

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 04/03/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quách Cao S, Sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn TT, xã PL, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, Sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn TT, xã PL, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Đại diện theo ủy quyền về con chung của chị T: Anh Cao Văn T, Sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn PT, xã QP, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Quách Cao S trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 15/4/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Quá trình chung sống hai vợ chồng phát S mâu thuẫn do chị T có nhiều lời lẽ không tôn trọng anh và gia đình nhà chồng, gây mất danh dự của anh và nhà chồng. Anh đã nhiều lần nói chuyện với chị T để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không nghe. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị được ly hôn với chị T.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Quách Thị Huyền T, S ngày 01/02/2014 và Quách Cao Đ, S ngày 12/5/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh làm tự do thu nhập khoảng 12.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xác nhận điều kiện kết hôn như anh S trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát S từ khi vợ chồng làm nhà đến tháng 7/2023 anh S đòi bán nhà dẫn đến vợ chồng có nhiều xô sát. Anh S nhiều lần đặt điều, lăng mạ, đánh đập chị và chị phải tự lo kinh tế xây dựng nhà cửa, nuôi con. Chị có nhờ bố mẹ chồng nhưng bố mẹ chồng can thiệp nhưng không có kết quả. Nay anh S làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Quách Thị Huyền T, S ngày 01/02/2014 và Quách Cao Đ, S ngày 12/5/2016. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm kế toán công ty tư nhân mức lương khoảng 20.000.000đ/tháng.

Tài sản chung: 01 thửa đất diện tích 90m² ở thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Trên đất có ngôi nhà trần hai tầng, 01 tum xây dựng năm 2022. Chị đề nghị Tòa án giải quyết phần chia tài sản chung của vợ chồng và giải quyết cho chị được nhận tài sản nhà đất.

Hiện vợ chồng còn nợ: Mẹ đẻ chị 100.000.000đ, anh Đỗ Thiện Hậu 150.000.000đ lãi suất 1%/tháng, chị Tăng Thị Tú 150.000.000đ lãi suất 1%/tháng và tiền công bố đẻ chị là 36.000.000đ.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 07/2023/HNGĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 186, 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Quách Cao S và chị Nguyễn Thị T.

2. Con chung: Giao cháu Quách Thị Huyền T, S ngày 01/02/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Quách Cao Đại, S ngày 12/05/2016 cho anh Quách Cao S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T, anh S có quyền thăm non con chung. Vấn đề cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Tài sản chung, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2024, chị Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án, chị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị T rút yêu cầu kháng cáo về chia tài sản và đề nghị xin được nuôi hai con chung. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đ diện theo ủy quyền về con chung của bị đơn trình bày: Anh S không có việc làm nên không có điều kiện kinh tế, thường xuyên bạo hành chị T trước mặt con chung, ngăn cản con chung thăm nom với ông bà ngoại, không thực hiện nghĩa vụ trong việc chăm sóc con chung. Vì vậy không đủ điều kiện để nuôi con. Còn chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, từ trước đến nay vẫn chăm sóc con chung. Do đó, đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Anh Quách Cao S và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 15/04/2013 trên cơ sở tự nguyện đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét kháng cáo của chị T thì thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Tại cấp sơ thẩm anh S và chị T đều đồng ý ly hôn, bản án sơ thẩm xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, việc ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên đã công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, kháng cáo của chị T cho rằng thẩm phán chủ tọa phiên tòa không xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và nhân thân của anh S để giải quyết việc ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Con chung: Vợ chồng có 02 con là Quách Thị Huyền T, S ngày 01/02/2014 và Quách Cao Đ, S ngày 12/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu.

Xét thấy, anh S và chị T đều có đủ điều kiện để chăm sóc và giáo dục con chung. Bản án sơ thẩm sau khi xem xét điều kiện chăm sóc, giáo dục cũng như về tâm lý, giới tính của các cháu đã giao cháu Đại cho anh S nuôi dưỡng và cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T kháng cáo cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không vô tư khách quan khi không cho cháu T và cháu Đại vào phòng xử án.

Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã có biên bản ghi lời khai của con chung nên không cần thiết phải hỏi lại các cháu tại phiên tòa. Do đó, kháng cáo của chị T đối với nội dung này không được chấp nhận.

[3.3]. Tài sản chung, công nợ: Ngày 01/11/2023 chị T có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 02 tầng, 01 tum; Cùng ngày Tòa án nhân dân huyện Tiên Du có thông báo nộp tạm ứng án phí nhưng chị T không nộp tạm ứng theo quy định. Sau phiên tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa

sơ thẩm chị T mới có yêu cầu chia tài sản chung, công nợ của vợ chồng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung trong vụ án này là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T rút yêu cầu kháng cáo về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử nội dung kháng cáo này của chị T.

[4]. Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo về tài sản của chị Nguyễn Thị T, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung cáo về tài sản.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 07/2023/HNGĐ-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Quách Cao S và chị Nguyễn Thị T.

- Con chung: Giao cháu Quách Thị Huyền T, S ngày 01/02/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Quách Cao Đ, S ngày 12/5/2016 cho anh Quách Cao S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Chị T, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Quách Cao S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0002602 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số BLTU/23 0001238 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai